TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 02 - 2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Minh;

Ông Phạm Kim An.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:*** Bà Trịnh Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2018/TLST – HNGĐ, ngày 25/12/2018 về việc tranh chấp " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 2, xã T, huyện Đ, tỉnh T; "Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt".

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinn năm 1983; địa chỉ: Xóm 11, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2018, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Phạm Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh T vào ngày 10/3/2011. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính cách lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Chị H thỉnh thoảng tự ý bỏ nhà đi mấy tháng lại về, không nói cho anh biết đi đâu, làm gì, dẫn đến vợ chồng càng mâu thuẫn. Ngoài ra còn do vợ chồng không có con chung nên

không có sự gắn kết tình cảm. Anh và chị H sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Hằng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc, vì vậy anh xin được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Hiện nay chị H không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2018, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, diễn biến cuộc sống chung như anh Q trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ngoài nguyên nhân tính cách, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có con chung, còn do chị nghi ngờ anh Q có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chơi cờ bạc, chị có khuyên bảo nhiều nhưng anh Q không nghe nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị mới bỏ nhà đi, sau đó lại về tiếp tục chung sống cùng anh Q. Tuy nhiên vợ chồng vẫn không thể chung sống hòa hợp, vì vậy chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, hiện nay chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nhà và đất chung. Có tài sản chung là ¼ giá trị 01 xe ôtô chở khách nhãn hiệu Samco, biểm kiểm soát 20B – 012.18, do vợ chồng góp vốn với ông Đinh Xuân T, địa chỉ: xóm 7, xã T, huyện Đ, tỉnh T vào tháng 8 năm 2011. Số tiền góp ban đầu là 35.000.000đ, sau đó góp dần nhiều lần, đến nay trị giá là ¼ xe, ước tính xe hiện có giá trị khoảng 1,3 tỷ đồng. Tiền góp ban đầu và góp dần các lần là do vợ chồng tích góp và lao động mà có. Hiện nay chị vẫn còn giữ giấy góp số tiền 35.000.000đ, còn những lần góp khác không có giấy tờ gì. Giấy tờ xe đứng tên ông Đinh Xuân T. Vợ chồng không nợ tài sản của ai. Chị sẽ gặp anh Q để thỏa thuận về việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng, nếu không được chị sẽ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Ngày 11/01/2019, nguyên đơn anh Phạm Văn Q có đơn gửi tới Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định trình bày nội dung: Thực tế giữa anh và chị H đã giải quyết xong về tài sản chung của vợ chồng, nếu chị H vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết thì chị H phải có đơn đề nghị và phải chứng minh được vợ chồng còn tài sản chung.

Kể từ khi có bản tự khai đến nay, Tòa án đã nhiều lần báo gọi chị H đến Tòa án để làm việc nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do, cũng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã X: Anh Phạm

Văn Q và chị Nguyễn Thị H không đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh N. Chị Hcó đăng ký hộ khẩu và đang sinh sống tại xóm 11, xã X, huyện X, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự**.** Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn Q đối với chị Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn Q đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Nguyễn Thị H không chấp hành theo quy định của pháp luật, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp, được xác lập từ ngày 10 tháng 3 năm 2001. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tách lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng nghi ngờ sự chung thủy của nhau, đã và đang sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Anh Q xin ly hôn, chị H đồng ý. Như vậy, anh Q và chị H đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn Q đối với chị Nguyễn Thị H, cũng là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường và nguyện vọng của các bên đương sự.

[3] Về con chung: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị H không có con chung.

[4] Về tài sản: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Văn Q phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoan 1 Điều 56; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn Quang phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001418 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, anh Phạm Văn Quang đã nộp đủ án phí ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Phạm Văn Q; bị đơn chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã T;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Ngọc Long